

**CHI SƠN LINH - *SONERILA* ROXB. (HỌ MUA-MELASTOMATACEAE JUSS.)
Ở VIỆT NAM**

Nguyễn Thị Thanh Hương^{1,3}, Trịnh Ngọc Bon²

¹*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,*

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²*Viện Nghiên cứu Lâm sinh,*

Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

³*Học viện Khoa học và Công nghệ,*

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Trên thế giới, chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) thuộc họ Mua (Melastomataceae Juss.) có khoảng 175 loài phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới châu Á. Năm 1921 Guillaumin đã lập khóa định loại và mô tả đặc điểm hình thái 10 loài trong chi này ở vùng Đông Dương. Phạm Hoàng Hộ năm 2000 đã mô tả đặc điểm ngắn gọn kèm theo hình vẽ minh họa của 11 loài có ở Việt Nam. Các loài này sau đó cũng được liệt kê trong “Danh lục các loài thực vật Việt Nam” năm 2003 (Nguyễn Kim Đào). Bài báo này mô tả bổ sung chi tiết các đặc điểm của chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) và các loài thuộc chi này ở Việt Nam, kèm theo đó là một khóa định loại đến loài.

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài thuộc chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) mọc tự nhiên ở Việt Nam, thông qua vật liệu là các tiêu bản được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật của Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Viện Sinh học nhiệt đới Tp. Hồ Chí Minh (VNM) và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (HNU).

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp so sánh hình thái. Bên cạnh đó kế thừa, tổng hợp và phân tích các tài liệu có liên quan. Khóa định loại các loài xây dựng theo kiểu khóa lưỡng phân.

II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Đặc điểm phân loại của chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) ở Việt Nam

***Sonerila* Roxb. – Sơn linh**

Roxb. 1820. Fl. Ind. Ed. Carey & Wall. 1: 180; id. 1832. Fl. Ind. Ed. Carey 1: 176; C. B. Clarke, 1879. Fl. Brit. Ind.2 (6): 529; Guillaumin in Lecomte, 1921. Fl. Gen Indoch. 2(7): 910; C. A. Backer & Bakh.f. 1963. Fl. Java: 529; c. Y. Wu, 1979. Fl. Yunn. 2: 121; Phạm H. 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 90; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn.2: 928-929; S. Renner, 2001. Fl. Thailand, 7(3): 482.

Cỏ đứng hay bò, hiếm khi là cây bụi. Lá đơn, mọc đối hoặc gần như mọc vòng, lá ở từng cặp thường không giống nhau, có lông hoặc không; phiến lá hình trứng, bầu dục, thuôn hay hình thoi; mép có răng cưa; gân bên 1-4 cặp hoặc các gân xuất phát từ gốc lá, gân thường lõm ở mặt trên và lồi ở mặt dưới; cuống dài 0,3-3 cm, có khi tới 6 cm, tròn hay có cánh, có lông hoặc không. Cụm hoa hình xim, ở đỉnh hoặc nách lá gần đỉnh; cuống chung dài 2-6 cm, hình vuông hoặc hình tròn, có lông hoặc không lông; mỗi cụm hoa mang 4-8 hoa, có khi 1 hoa, cũng có khi tới 14 hoa. Lá bắc có hay không có, có khi mỗi hoa có một cái, thường sớm rụng; có 2 cái hoặc bằng với số lượng hoa trên cụm hoa, hình tam giác hay hình mác hẹp, dài 1,5-2 mm; mặt ngoài

có lông hoặc không lông. Hoa dài 3-15 mm; có cuống rất ngắn hoặc không cuống, có lông mềm, lông cứng hoặc không lông. Ống dài hình chuông hoặc hình ống; thùy dài hình tam giác, có lông hoặc không. Cánh hình elip, hình trứng hoặc trứng ngược; màu hồng, tím hay màu trắng; mặt ngoài có lông hoặc không lông. Nhị 3, một vòng, dính trên ống dài; bằng nhau hiếm khi không bằng nhau, chỉ nhị bằng, ngắn hoặc dài hơn bao phấn; thường không có chựa. Bầu 3 ô hợp thành bầu hạ, vòi nhụy dài, đầu nhụy không xẻ thùy, dính noãn trụ giữa. Quả nang có 3 mặt bên và 3 gờ, hình chuông, hình ống hay hình bình; dài tồn tại lâu, bao lấy quả, thùy dài tồn tại hoặc không; mặt ngoài có lông, có gai hay nhẵn; khi cắt ngang hoặc bổ dọc có thể thấy đỉnh noãn trụ giữa. Hạt rất nhỏ, dài 0,3-0,7 mm, màu nâu; hình nêm, dài, trái xoan.

Typus: *Sonerila maculata* Roxb.

Trên thế giới có khoảng 175 loài, phân bố ở vùng nhiệt đới châu Á. Ở Việt Nam có 10 loài, trong đó có 5 loài đặc hữu.

2. Khóa định loại các loài thuộc chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) ở Việt Nam

- 1a. Cây bụi, cao >1 m..... 1. *S. neodriessenioides*
- 1b. Cỏ bò hoặc đứng, cao từ 5-70 cm
 - 2a. Cụm hoa có lá bắc
 - 3a. Mỗi hoa có một lá bắc
 - 4a. Chỉ nhị dài bằng bao phấn; hạt hình thuôn.....2. *S. erecta*
 - 4b. Chỉ nhị dài hơn bao phấn; hạt hình nêm. 3. *S. finetii*
 - 3b. Mỗi hoa có 2 lá bắc
 - 5a. Lá bắc hình mũi mác; 3 nhị không bằng nhau4. *S. plagiocardia*
 - 5b. Lá bắc hình kim; 3 nhị bằng nhau
 - 6a. Cánh hoa không lông5. *S. annamica*
 - 6b. Cánh hoa có lông 6. *S. harmandii*
 - 2b. Cụm hoa không có lá bắc
 - 7a. Chỉ nhị ngắn hơn bao phấn.....7. *S. cantonensis*
 - 7b. Chỉ nhị dài bằng bao phấn
 - 8a. Hạt dài 0,3 mm; quả có gai8. *S. lecomtei*
 - 8b. Hạt dài 0,5-0,7 mm; quả không có gai.
 - 9a. Lá bằng nhau ở mỗi cặp; hạt dài 0,5 mm9. *S. quadrangularis*
 - 9b. Lá không bằng nhau ở mỗi cặp; hạt dài 0,7 mm.....10. *S. maculata*

3. Mô tả các loài thuộc chi Sơn linh (*Sonerila* Roxb.) ở Việt Nam

3.1. *Sonerila neodriessenioides* C. Hansen – Sơn linh cao

C. Hansen, 1989. Bull. Mus. Natl. Hist. Nat., B, Adansonia, 11: 282-284; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 91, fig. 4296; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 929.

Cây bụi, cao 1,5 m, thân hóa gỗ, phân nhánh lưỡng phân, thân già màu trắng, vỏ nứt dọc, cành non màu đỏ, thân vuông, không có lông, nhánh non có 4 cánh. Lá không lông, bằng nhau ở mỗi cặp, có nhiều tuyến mờ ở cả hai mặt lá; phiến lá hình thoi, cỡ 1,5-25 x 8-14 mm, mặt trên xanh đậm, mặt dưới xanh nhạt, mép lá có răng cưa ở 1/2 phía trên; chóp lá nhọn hoặc tròn, góc lá hình tam giác đều; gân bên 1 đôi; cuống lá dài 7-13 mm, màu đỏ, không lông, có rãnh. Cụm hoa hình xim ở đỉnh, mang 1-4 hoa, dài 3-4 cm, không lông, cuống chung rất bé, dài 1-2 cm. Lá bắc 2, hình kim, dài 1 mm. Hoa không lông, cuống dài 3-4 mm, màu hồng nhạt. Cánh hoa hình

trứng, cỡ 6-8 x 3-4 mm, chóp có mũi nhọn, không lông. Thùy dài 3 cái, hình tam giác hẹp, dài 2 mm. Nhị 3 cái, bằng nhau, dài 12 mm, chỉ nhị bằng bao phấn. Đế hoa hình chuông, dài 4-5 mm, đường kính 1,5-2 mm, có 3 mặt và 3 gờ tròn, không có lông. Quả nang, hình ly, dài 4-6 mm, đường kính 3 mm, có 3 mặt, 3 gờ và 3 rãnh, thùy dài không tồn tại. Hạt hình chùy, dài 0,2-0,3 mm, màu vàng.

Loc. class.: Vietnam (Daklak). **Typus:** A. Poilane. 32537 (P).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 3-5, quả tháng 4-7. Mọc rải rác trong rừng, nơi ẩm ướt, độ cao 1700-2000 m.

Phân bố: Mới thấy ở Đắk Lắk (Chư Yang Sing) và Khánh Hòa (Khánh Sơn).

Mẫu nghiên cứu: ĐẮK LẮK, VH 6135, VH 6209 (HN).

3.2. *Sonerila erecta* Jack - Sơn linh mãnh

Jack. 1820. Mala. Misc. 1(5): 7; J. Chen, 2007. Fl. China, 13: 391; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 90, fig. 4292; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 928.

- *Sonerila cheliensis* H. L. Li. 1944. J. Arnold Arbor. 25(1): 36-37.

- *Sonerila epilobioides* Stapf & King. 1909. J. Asiat. Soc. Bengal. 69: 22.

- *Sonerila shanlinensis* C. Chen. 1984. Bull. Bot. Res. Harbin 4(3): 66.

- *Sonerila tenera* Royle. 1834. Ill. Bot. Himal. Mts. 215, pl. 45, f. 2.

Cỏ một năm, cao 5-20 cm, thân vuông, màu đỏ, có lông thưa. Lá có lông rải rác ở cả hai mặt, không bằng nhau ở mỗi cặp; cuống lá 2-4 mm, có lông cứng, có cánh do mép lá tạo thành; phiến lá hình hình lưỡi đến hình trứng hẹp, cỡ 0,5-3,5 x 0,3-2 cm; mặt trên màu xanh nhạt, mặt dưới màu đỏ; gân bên 2-3 đôi, có 1 đôi xuất phát từ gốc lá; chóp lá tù, gốc lá hình nêm. Cụm hoa ở đỉnh, hình xim, dài 2-4 cm, có lông cứng rải rác, 4-10 hoa. Lá bắc hình kim, dài 1 mm, mỗi hoa có một lá bắc. Hoa màu hồng; cuống dài 2 mm. Cánh hoa hình trứng, mặt ngoài có lông, cỡ 3 x 2 mm, chóp có mũi nhọn. Thùy dài hình tam giác, dài 1,5 mm, có mũi nhọn, mặt ngoài có lông. Đế hoa hình ống, cỡ 3 x 1,5 mm, có lông rải rác. Nhị 3 cái, bằng nhau, dài 4 mm, chỉ nhị bằng bao phấn. Quả nang, hình ống, cỡ 4,5 x 2 mm, thùy dài tồn tại, có lông rải rác. Hạt rất nhiều, hình thuôn, dài 0,3 mm, màu nâu.

Loc. class.: Malaysia. **Lectotypus:** Wallich N. 4097 (K).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 10-12, quả tháng 11-1 (năm sau). Mọc thành từng đám nhỏ ở rừng khô, rừng thông, ở độ cao 50-1000 m.

Phân bố: Kon Tum, Lâm Đồng (Đức Trọng), Bình Thuận (Hàm Tân). Bà Rịa-Vũng Tàu (Núi Dinh), Kiên Giang, còn có ở Lào, Trung Quốc, Malaysia, Myanma, Philippin, Thái Lan, Ấn Độ.

Mẫu nghiên cứu: KON TUM, Nguyễn Hữu Hiến 53, VH 1986 (HN).

3.3. *Sonerila finetii* Guillaumin - Sơn linh finet

Guillaum. 1911. Not. Syst. (Paris) 327; Guillaum in Lecomte. 1921. Fl. Gen. Indoch. 2: 914; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 91, fig. 4293; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 928.

Cỏ đứng, cao tới 60 cm, thân vuông, màu đỏ, có lông mềm thưa thớt. Lá bằng nhau ở mỗi cặp, lúc non có lông mềm mặt dưới, già không lông; cuống dài 1-2 cm, màu hồng hoặc xanh nhạt; phiến lá hình bầu dục, thuôn dần về hai phía, cỡ 7-12 x 2-4 cm, mặt trên màu xanh nhạt, mặt dưới màu xanh hay màu đỏ nhạt; chóp lá tròn hay có mũi, gốc lệch, hình nêm; gân bên 5-6 cặp trong đó có 2 cặp chạy từ gốc lá, gân chính, gân bên và gân cấp 3 nổi rõ ở mặt dưới. Cụm hoa ở đỉnh và ở nách lá gần đỉnh, hình xim, dài 4-6 cm, 6-14 hoa. Lá bắc dài 1 mm, hình tam

giác nhọn, mỗi hoa có 1 cái. Hoa màu hồng nhạt đến tím, cuống hoa dài 2-4 mm, hơi có lông hoặc nhẵn. Cánh hoa hình bầu dục, cỡ 5-7 x 3-4 mm, đáy tròn, đỉnh có mũi nhọn, không có lông. Đế hoa hình chuông, dài 6 mm, đường kính 2 mm, có 3 mặt, 6 gờ. Thùy đài hình tam giác nhọn, dài 2 mm. Nhị 3, bằng nhau, dài 14-16 mm, chỉ nhị dài hơn bao phấn. Bầu hình chuông, cỡ 4 x 1,5 mm. Quả nang, hình chuông, cỡ 5 x 3 mm, không lông. Hạt nhiều, hình nôm, dài 0,3 mm, màu vàng nhạt.

Loc. class.: Vietnam (Hanoi). **Typus:** Finet A. 717 (P).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 3-5, quả tháng 5-7. Mọc rải rác trong rừng thường xanh, ở độ cao 500 – 2000 m.

Phân bố: Hà Giang (Đồng Văn), Lào Cai (Sa Pa, Văn Bàn), Sơn La (Mộc Châu), Bắc Giang (Sơn Động), Vĩnh Phúc (Mê Linh, Tam Đảo), Phú Thọ (Đoan Hùng), Hà Nội (Ba Vì), Thanh Hóa (Bá Thước, Mường Lát, Quan Hóa, Thường Xuân), Hà Tĩnh (Hương Sơn), Kon Tum (Đắk Glei, Kon Plông), Gia Lai (Mang Yang), Đắk Lắk (Krông Bông), Lâm Đồng (Bảo Lộc, Lạc Dương,), Ninh Thuận.

Mẫu nghiên cứu: HÀ GIANG, K Đào 82. - LÀO CAI, 3306, DKH 5977, DKH 6953, 344. - SƠN LA, Nhan 13, Phương 7126, Phương 7178. - BẮC GIANG, TVC 667. - PHÚ THỌ, T 1026. - VĨNH PHÚC, 5434, Phương 4545, LX-VN 1371, LX-VN 834, LX-VN 227. - HÀ NỘI, Dzu – Thomas 77745, Dzu – Thomas 77746. - THANH HÓA, HAL 2971, 5622. - HÀ TĨNH, HS 373. - KON TUM, VH 1922, VH 2196, VH 2197, VH 5186, VH 2277, VH 1544, VH 1106, Biên 593, Phương 719, 390. - GIA LAI, Biên 962. - ĐẮK LẮK, VH 6280. - LÂM ĐỒNG, VH 2674, VH 2884, VH 3362, LX-VN 1240, Biên 1231. - P 7073, HNK 77, LX-VN 112 (HN).

3.4. *Sonerila plagiocardia* Diels – Sơn linh thất tâm

Diels, 1933. Bot. Jahrb. Syst. 65 (2-3): 117; J. Ch. & S. S. Ren. 2007. Fl. China. 13: 390; Phamh, Illustr. Fl. Vietn. 2. 2000: 92, fig. 4297; N. K. Dao, Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2. 2002: 929.

- *Fordiophyton begoniifolium* H. L. Li. 1944. Journ. Arnold Arbor. 25(1): 28.

- *Sonerila alata* Chun & F. C. How ex C. Chen. 1984. Bull. Bot. Res. Harbin. 4(3): 64–65.

- *Sonerila alata* var. *triangula* C. Chen. 1984. Bull. Bot. Res. Harbin. 4(3): 65–66.

Cỏ 1 năm, cao 30-70 cm, thân vuông, mọng nước, có 4 cánh, có lông rải rác. Lá không bằng nhau ở mỗi cặp; cuống lá dài 2-6 cm, có cánh, có lông tuyến rải rác; phiến lá hình trứng hoặc tròn, cỡ 5-15 x 3-8 cm, mặt trên có lông măng hoặc không, có lông măng rải rác ở gân chính và gân phụ ở mặt dưới; gân từ đáy 7-13 cái, chóp lá nhọn hoặc có đuôi dài tới 1 cm, gốc lá hình tim lệch. Cụm hoa ở đỉnh hoặc nách lá gần đỉnh, đơn hoặc kép, hình xim; cuống hoa dài 3-5 cm, có cánh hoặc không, có lông tuyến rải rác, 6-9 hoa. Lá bắc 2, hình mác, dài 3 mm. Hoa màu hồng đến màu đỏ; cuống hoa dài 2-3 mm, có lông tuyến thưa. Cánh hoa hình trứng thuôn, cỡ 9-11 x 4-6 mm, chóp có mũi nhọn ngắn, mặt ngoài có lông tuyến rải rác. Thùy đài hình tam giác, dài 2 mm, có lông tuyến rải rác. Nhị không bằng nhau, chỉ nhị dài hơn bao phấn; bao phấn cỡ 7-9 x 4-5 mm, có 6 gờ và 3 mặt bên, có lông tuyến. Bầu hình bình. Quả nang hình chuông, cỡ 8 x 4 mm, 3 mặt, 3 thùy, 6 gờ, có lông tuyến rải rác. Hạt màu vàng nhạt, hình nôm, dài 0,8 mm.

Loc. class.: China. **Typus:** Augustine Henry 13152 (MO).

Sinh học và sinh thái: Ra hoa tháng 8-10, ra quả 9-11. Mọc rải rác trong rừng, nơi ẩm ướt, ở độ cao 700 – 1900 m.

Phân bố: Lai Châu (Mường Tè), Lào Cai (Văn Bàn), Cao Bằng (Nguyên Bình), Lạng Sơn (Hữu Lũng), Hòa Bình, Thái Nguyên (Đại Từ), Hà Tĩnh (Vũ Quang). Còn có ở Trung Quốc, Lào, Myanmar, Campuchia và Thái Lan.

Mẫu nghiên cứu: LÀO CAI, 2801, DA 4954, DKH 6883. – CAO BẰNG, CBL 118, CBL204, Nguyễn Khắc Khôi 8266. – LẠNG SƠN, W 17099. - HÒA BÌNH, HAL 582. – THÁI NGUYÊN, VH 5011(HN).

Giá trị sử dụng: Thông kinh hoạt huyết, trị viêm kết mạc, đau dạ dày và bệnh phong [3].

3.5. *Sonerila annamica* Guillaumin - Sơn linh trung bộ

Guillaumin. 1911. Notul. Syst. (Paris) 2: 326; Guillaumin in Lecomte. 1921. Fl. Gen. Indoch. 2: 911-912; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 90, fig. 4290; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 928.

Cỏ bò, thân tròn mọc nước, màu đỏ, phần non có lông thưa màu trắng. Lá có lông, không bằng nhau ở mỗi cặp; cuống dài 4-7 mm, có lông tơ; phiến lá hình trứng tới hình trứng hẹp, cỡ 2-3,5 x 0,5 -1,5 cm, mặt trên màu xanh, mặt dưới có khi đỏ, gân bên 2-4 cặp, gân chính và gân bên lõm ở mặt trên, lồi ở mặt dưới; chóp lá có mũi nhọn hoặc tù, góc lá tròn. Cụm hoa hình xim ở đỉnh và nách lá, dài 3-4 cm, cuống chung 1,5-2,5 cm, có lông thưa, 1-8 hoa. Lá bắc 2, hình kim, dài 1 mm. Hoa màu hồng nhạt, cuống hoa 2-4 mm, có lông thưa. Cánh hình bầu dục, cỡ 5-8 x 3-5 mm, không có lông, đỉnh có mũi nhọn. Đế hoa hình ống, có lông thưa, dài 5 mm, đường kính 2-3 mm. Thùy đài hình tam giác hẹp, dài 1,5 mm, có mũi nhọn. Nhị 3, bằng nhau, dài 12 mm, chỉ nhị dài bằng bao phấn; bao phấn màu vàng. Quả nang, hình chuông, cỡ 5 x 3 mm, có gai thưa. Hạt hình chữ V, dài 0,3 mm.

Loc. class.: Vietnam (Dalat). **Typus:** Lecomte H., A. Finet, 1547 (P).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 1-4, quả tháng 2-5, Mọc rải rác trong rừng thường xanh, độ cao 800-2000 m.

Phân bố: Mới thấy ở Thừa Thiên-Huế (Bạch Mã), Đà Nẵng (Bà Nà), Kon Tum (Kon Plông), Lâm Đồng (Lạc Dương), Đắk Nông (Nam Nung).

Mẫu nghiên cứu: ĐÀ NẴNG, WP-237. – KOM TUM, Trần Ngọc Ninh 155, Phương 719 (HN), T. Đ. Lý 687. – LÂM ĐỒNG, VH2852, VH 3072, VH 3075, VH 3352, VH 3353 (HN).

3.6. *Sonerila harmandii* Guillaumin. – Sơn linh harmand

Guillaumin. 1911. Notul. Syst. (Paris) 2: 329; Guillaumin in Leconte. 1921. Fl. Gen. Indoch. 2: 917; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 91, fig. 4294; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 928.

Cỏ một năm, cao 7-12 cm; thân tròn, đường kính 3 mm, không có lông. Lá từ 3-5 đôi, tập trung ở đỉnh, bằng nhau ở mỗi cặp; cuống dài 1-3 cm, không có lông, có rãnh; phiến lá hình trứng, cỡ 3,5-6 x 2-3,5 cm, có lông thưa ở cả hai mặt; gân bên 3-5 đôi, gân chính và gân bên lồi ở mặt dưới; chóp lá tù, góc lá tròn. Cụm hoa hình xim ở đỉnh, dài 4-6 cm, cuống chung dài 2,5-4 cm, không lông. Lá bắc 2, hình kim. Hoa màu hồng; cuống hoa dài 2-3 mm, có lông rải rác. Cánh hoa hình bầu dục thuôn, cỡ 10-12 x 4-6 mm, chóp có mũi nhọn, mặt ngoài có lông rải rác. Thùy đài 3, hình tam giác, dài 1,5 mm, có mũi nhọn. Đế hoa hình chuông, cỡ 5 x 3 mm. Nhị 3, bằng nhau, dài 6 mm, chỉ nhị bằng bao phấn. Quả nang, hình chuông, cỡ 6 x 3 mm, đỉnh có 3 răng do thùy đài tồn tại, không có lông.

Loc. class.: Vietnam (Ba Ria-Vung Tau). **Typus:** Harmand 763 (P).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 5-8, quả tháng 6-9. Mọc rải rác trong rừng, độ cao 10-900 m.

Phân bố: Đắk Lắk (Krông Bông), Bà Rịa - Vũng Tàu (Côn Đảo), Kiên Giang (Phú Quốc), còn có ở Campuchia.

Mẫu nghiên cứu: ĐẮK LẮK, VH 6080, VH 6462 (HN).

3.7. *Sonerila cantonensis* Stapf – Sơn linh thượng hải

Stapf, 1892. Ann. Bot. 6(23): 302–303; J. Chen & S. S. Ren. 2007. Fl. China, 13: 391; Guillaumin in Lecomte. 1921. Fl. Gen. Indoch. 2: 914; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 90, fig. 4291; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 928.

- *Sonerila cantonensis* var. *strigosa* C. Chen. 1979. Fl. Yunnan. 2: 125.

- *Sonerila yunnanensis* Jeffrey. 1914. Notes Roy. Bot. Gard. Edinburgh 8(38): 207.

Cò đứng, cao 15-40 cm, thân vuông, có lông tơ lúc non, lúc già có vảy. Lá gióng nhau ở mỗi cặp; cuống lá dài 0,5-1,5 cm, có lông dày, có màu đỏ; phiến lá hình bầu dục, cỡ 4-7 x 2-3 cm, lúc non có lông dày; chóp lá và gốc lá tù, mặt trên màu xanh, mặt dưới xanh nhạt hoặc màu đỏ, có 3-5 đôi gân bên. Cụm hoa hình xim ở đỉnh, dài 3-5 cm, cuống chung dài 1,5-3,5 cm, có lông tơ, 2-6 hoa. Không có lá bắc. Hoa màu hồng; cuống hoa màu đỏ, có lông rải rác, dài 2-4 mm, có 3 cạnh. Cánh hoa hình bầu dục thuôn, cỡ 5-8 x 2-3 mm. Đế hoa hình chuông, cỡ 6 x 3 mm, có 3 mặt bên, 6 gờ, có mụn. Thùy đài 3, hình tam giác, dài 2 mm, có mụn nhỏ. Nhị 3, bằng nhau, chỉ nhị dài 5 mm, bao phấn dài 7 mm. Quả nang, hình chuông, cỡ 7 x 4 mm, thùy đài tồn tại, không có lông.

Loc. class.: Hongkong. **Typus:** Ford, C. 05. (K).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 6-10, quả 8-12. Mọc rải rác trong rừng kín thường xanh, ở độ cao 700-2100 m.

Phân bố: Tuyên Quang (Na Hang), Hòa Bình (Chợ Bờ), Thanh Hóa, Kon Tum, Gia Lai (KBang), còn có ở Lào, Trung Quốc, Hồng Kông, Thái Lan.

Mẫu nghiên cứu: LÀO CAI, DKH 6590. - KOM TUM, VH 5497. – GIA LAI, Phương 1342 (HN).

Giá trị sử dụng: Thông kinh hoạt huyết, chữa ly, sản phụ rong huyết, chưa rắn cắn.

3.8. *Sonerila lecomtei* Guillaumin – Sơn linh lecomte

Guillaumin, 1911. Lecomte, Not Syst. 2: 328; Guillaumin. 1921. Fl. Gen. Indoch. 2: 917; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 91, fig. 4294; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 928.

Cò đứng, lâu năm, cao 25-35 cm, thân tròn, màu đỏ, có lông tơ màu trắng. Lá không bằng nhau ở mỗi cặp; cuống lá màu đỏ, dài 7-15 mm, có lông trắng; phiến lá hình xoan thon tới hình trứng, cỡ 3-5 x 1-3 cm, có lông ở cả hai mặt khi non, khi già chỉ có lông trên gân ở mặt dưới, chóp lá tù hay có mũi nhọn, gốc lá tròn, gân bên 3-4 đôi, trong đó có 1-2 đôi chạy từ đáy, mép có răng cưa nhọn. Cụm hoa hình xim ở đỉnh, có lông tơ trắng, dài 4-6 cm, 3-6 hoa. Lá bắc không có. Hoa màu hồng, cuống hoa 1 mm, có lông. Đế hoa hình chuông, có lông tơ trắng, cỡ 5 x 2 mm, có 3 gờ nhỏ. Thùy đài 3, hình tam giác, có mũi nhọn. Cánh hoa hình bầu dục, không đối xứng, chóp có mũi nhọn, cỡ 7-8 x 3-4 mm, mặt ngoài có lông. Nhị 3, bằng nhau, dài 14 mm, chỉ nhị bằng bao phấn, bao phấn màu vàng. Quả nang, hình chuông, cỡ 5 x 3 mm, có gai cứng. Hạt nhiều, hình chữ V, dài 0,3 mm.

Loc. class.: Vietnam. **Typus:** Lecomte et Finet, 1598 (P).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa 10-12, quả 12-2 (năm sau). Mọc rải rác trong rừng kín thường xanh, độ cao 400-1700 m.

Phân bố: Mới gặp ở Cao Bằng (đèo Lê A), Lào Cai (Văn Bàn), Tuyên Quang (Chiêm Hóa), Hà Tĩnh (Hương Sơn), Đà Nẵng (Bà Nà), Kon Tum (Kon Plông, Đăk Glei). Bình Thuận (Phan Thiết), Lâm Đồng (Lạc Dương).

Mẫu nghiên cứu: CAO BẰNG, 5730. - LÀO CAI, HAL 2209, HAL 2652, HAL 2653, DKH 6876. - TUYẾN QUANG, Phương 6799. - HÀ TĨNH, VA 277. - ĐÀ NẴNG, Phương 8506, Phương 8519. - KOM TUM, DKH 4621, VH 1544, 1224, 7850 (HN).

3.9. *Sonerila quadrangularis* Guillaumin – Sơn linh vuông

Guillaumin, 1911. Notul. Syst. (Paris) 2: 328; Guillaumin in Lecomte. 1921. Fl. Gen. Indoch. 2: 912; Phamh, 2000. Illustr. Fl. Vietn. 2: 92, fig. 4298; N. K. Dao, 2003. Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 929.

Cò đứng, cao 70 cm, thân vuông, có lông cứng. Lá giống nhau ở mỗi cặp; cuống lá dài 1-2 cm, lúc non có màu đỏ tím, già màu xanh nhạt, lông trắng rải rác; phiến lá hình mác, cỡ 4-9 x 1,5-3 cm, phiến lá hẹp dần lên đỉnh, có lông ở cả hai mặt khi non; mép lá có răng cưa, chóp lá nhọn, gốc hình nêm; gân bên 3-4 đôi, gân bên và gân chính lõm ở mặt trên lồi ở mặt dưới. Cụm hoa ở đỉnh, hình xim, có lông trắng rải rác, dài 2,5-3,5 cm, 4-15 hoa, xếp thành 2 hàng song song. Không có lá bắc. Hoa màu hồng, cuống hoa 2 mm, có lông thưa. Cánh hoa hình bầu dục, cỡ 7-9 x 3-4 mm, đỉnh có mũi nhọn, không có lông. Đế hoa hình chuông, lông rải rác, cỡ 8 x 3 mm, có 3 mặt, 3 gờ tròn. Thùy dài 3, hình tam giác, dài 2 mm. Nhị 3, bằng nhau, dài 8 mm, chỉ nhị bằng bao phấn; bao phấn màu vàng, chẻ 2 ở đáy. Quả nang, hình chuông, cỡ 10 x 3 mm, nhẵn. Hạt nhiều, hình nêm, dài 0,5 mm, màu vàng nhạt.

Loc. class.: Vietnam. **Typus:** Pierre s.n (LE).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 3-4, quả 4-5. Mọc ở rừng thường xanh, độ cao dưới 1200 m.

Phân bố: Mới thấy ở Kon Tum (Kon Plông, Đăk Glei), Lâm Đồng (Đà Lạt, Đơn Dương, Lạc Dương), Khánh Hòa (Khánh Sơn), Ninh Thuận (Phước Bình).

Mẫu nghiên cứu: KON TUM, VH 6114. - LÂM ĐỒNG, VH2884. - NINH THUẬN, VH3573 (HN).

3.10. *Sonerila maculata* Roxb. – Sơn linh suối

Roxb. W. 1820. Fl. Ind. ed. 1: 180-181; J. Chen & S. Ren. 2007. Fl. China, 13: 390-391.

- *Sonerila laeta* Stapf. 1906. Bull. Misc. Inform. Kew. 1906(3): 73.

- *Sonerila rivularis* Cogn. 1891. Monogr. Phan. 7: 1183-1184.

Cò đứng, cao 10-20 cm, thân tròn, màu đỏ, có lông dày đặc. Lá không giống nhau ở mỗi cặp; cuống lá dài 1-3 cm, màu đỏ, có lông dày; phiến lá hình trứng tới hình mác, cỡ 3-6 x 2-5 cm, mặt trên có màu xanh, mặt dưới màu đỏ, mép có răng cưa nhọn, chóp lá nhọn, gốc lá tròn hay hình tim lệch; gân bên 5-7 cặp trong đó 1-2 cặp ở đáy. Cụm hoa hình xim ở đỉnh, có lông, 6-10 hoa. Không có lá bắc. Hoa màu tím; cuống hoa dài 2-3 mm, có lông rải rác. Cánh hoa hình trứng thuôn, cỡ 8-11 x 3-6 mm, mặt ngoài có lông rải rác, đỉnh nhọn với một túm lông. Thùy dài hình tam giác, dài 1mm. Đế hoa hình chuông, dài 6-7 mm, đường kính 3 mm, có 3 mặt bên, 6 gờ, có lông rải rác. Nhị 3, bằng nhau, dài 12 mm, chỉ nhị bằng bao phấn. Bầu hình hình chén, dài 3-4 mm. Quả nang, hình chuông, 3 mặt bên, 6 gờ, dài tồn tại, 5-6 x 2-3 mm, có lông rải rác. Hạt nhiều, hình nêm, dài 0,7 mm, màu vàng nhạt.

Loc. class.: India. **Typus:** W. Roxburgh 1087 (BM).

Sinh học và sinh thái: Mùa hoa tháng 7-10, quả tháng 8-11. Mọc rải rác trong rừng kín thường xanh, độ cao 450-1400 m.

Phân bố: Hà Giang (Yên Minh), Lào Cai, Thanh Hóa (Thường Xuân, Mường Lát, Quan Hóa), Nghệ An, Đà Nẵng (Bà Nà), Kom Tum, Gia Lai (KBang). Ngoài ra còn gặp ở Bhutan, Campuchia, Ấn Độ, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Nepal, Thái Lan và Trung Quốc.

Mẫu nghiên cứu: LÀO CAI, DKH 6910 (HN). - HÀ GIANG, DKH 5496, DKH 6755, wp 863 (HN). - ĐÀ NẴNG, Phương 8540. – KON TUM, VH 1259 (HN).

Giá trị sử dụng: Dùng làm thuốc chữa lỵ.

III. KẾT LUẬN

Trong các tài liệu trước đây đã ghi nhận có 11 loài thuộc chi *Sonerila* ở Việt Nam. Tuy nhiên theo quan điểm phân loại gần đây trong “Flora of China” thì *Sonerila rivularis* Cogn. hiện là synonym của *S. maculata* Roxb., và *S. tenera* Royle là synonym của *S. erecta* Jack (2007). Như vậy cho đến nay chi *Sonerila* ở Việt Nam hiện biết có 10 loài. Trên cơ sở phân tích các đặc điểm hình thái quan trọng của cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản, chúng tôi đã xây dựng được khóa định loại cũng như mô tả bổ sung và chỉ tiết đặc điểm 10 loài trong chi *Sonerila* Roxb. hiện có ở Việt Nam.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin cảm ơn Đề tài cơ sở mã số IEBR.DT.02/17-18 đã hỗ trợ kinh phí cho bài báo này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bản** (chủ biên). Danh lục các loài thực vật Việt Nam. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập II: 928-929.
2. **Võ Văn Chi**, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, 1: 415. Nxb. Y học, Hà Nội
3. **Võ Văn Chi**, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, 2: 914. Nxb. Y học, Hà Nội
4. **Chen J., Susanne S. R. in Y. Z. Wu, P. H. Raven**, (eds), 2007, Flora of China, vol 13: 390-393. Science Press (Beijing), Missouri Botanical Garden (St. Louis).
5. **Guillaumin M. A.** in Lecomte, 1921, Melastomacées, Flore Générale de L’ Indo-chine 2 (7): 910-917. Paris.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 2002. Cây cỏ Việt Nam, 2: 90-92, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
7. **Mabberley D. J**, 2008. Mabberley’s Plant-Book (ed. 3): 807. Cambridge University Press..
8. **The Plant List**, 2013. Version 1.1. Published on the Internet; <http://www.theplantlist.org/> (truy cập ngày 20.7.2017).
9. **International Plant Names Index**, 2015. Published on the Internet; <http://www.ipni.org> (truy cập ngày 20.7.2017).

THE GENUS *SONERILA* ROXB. (MELASTOMATACEAE JUSS.) IN VIETNAM

Nguyen Thi Thanh Huong, Trinh Ngoc Bon

SUMMARY

The present study discuss about the taxonomy of the genus *Sonerilla* Roxb. in Vietnam. Previous studies have recorded 11 species of *Sonerila* Roxb. (Melastomataceae) from Vietnam. However, *S. rivularis* Cogn. was considered as a synonym of *S. maculata* Roxb., and *S. tenera* Royle was synonymized with *S. erecta*. We herein provide the morphological descriptions of 10 species of *Sonerilla* from Vietnam, comprising *S. neodriessenioides*, *S. erecta*, *S. finetii*, *S. plagiocardia*, *S. annamica*, *S. harmandii*, *S. cantonensis*, *S. lecomtei*, *S. quadrangularis* and *S. maculata*. In addition, an identification key to the species of this genus is also provided.